

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH HÀ  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-2-2024

V/v ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Cao Văn Đại

2. Bà Bùi Thị Vân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 357/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2024, giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị P, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn 3, xã V, huyện B, tỉnh Lào Cai.

\* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

\* **Người làm chứng:** Ông K, sinh năm 1971, địa chỉ: Khu phố 5 Thị trấn U, huyện U, tỉnh Lai Châu.

(Tại phiên tòa, chị P vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; anh T, ông Khải vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn xin ly hôn và lời khai của nguyên đơn thể hiện: Chị P và anh T kết hôn vào ngày 30/6/2022 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng đến cuối năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xô xát, cãi nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị P xác định không còn tình cảm với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị không có con chung.

Về tài sản, công sức, nợ chung: Không có nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày: Anh và chị P được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2022 tại UBND xã Q. Đến tháng 2/2023 anh chị thống nhất mỗi người đi làm công việc riêng của mình, tạo lập kinh tế riêng, từ đó tình cảm vợ chồng bị xa cách, vợ chồng không chung sống, không liên lạc với nhau nữa. Nay anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn vợ chồng được đoàn tụ. Vợ chồng anh không có con chung; không có tài sản chung, nợ chung.

\* Lời khai của người làm chứng là ông K cũng như kết quả xác minh tại địa P thể hiện: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị P bất đồng quan điểm nên đã nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ nhiều tháng nay.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:* Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 229, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân xử chị P và anh T ly hôn. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng vắng mặt nhưng trước đó họ đã đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt họ. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị P và anh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị P, anh T chỉ chung sống hạnh phúc trong một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống.

Thực tế, vợ chồng chị P đã sống ly thân từ nhiều tháng nay; không liên lạc, không quan tâm đến nhau, vợ chồng hoàn toàn độc lập về kinh tế. Bị đơn xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị P lại kiên quyết xin ly hôn nên vợ chồng không có khả năng đoàn tụ. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị P ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Chị P, anh T không có con chung nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết về quan hệ con chung.

[4]. *Về tài sản, công sức, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Đỗ Thị P ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị P phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000937 ngày 16/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị P đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Nhung**